TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUANG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/HS-ST
Ngày 03/02/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Công Trường
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Nguyễn Công Phúc.
- Ông Phan Văn Hoàng.
- *Thư ký phiên toà:* Ông Trần Văn Một – Thư ký Toà án huyện T.
- *Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên toà:* Ông Võ Xuân Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 83/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HS ngày 20/01/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình D; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không;
Sinh ngày: 02/9/2000;
Nơi cư trú: Tổ 4, thôn H, xã Bình G, huyện T, tỉnh Quảng Nam;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Không;
Cha: Nguyễn Đình C; Mẹ: Phan Thị P.
Bị can là con đầu trong gia đình có ba người con, bị can chưa có vợ.
Tiền án, Tiền sự: Không;
Nhân thân: Năm 2016, bị Cơ quan Công an huyện T ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức: Cảnh cáo đối với hành vi "Trộm cắp tài sản".
Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**
- Lê Thái Bảo V - sinh ngày 04/5/2005 (có mặt).
Trú tại: Tổ 4, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

*** Người đại diện hợp pháp cho bị hại Lê Thái bảo V:**
- Thái Thị H – sinh năm 1982 (mẹ bị hại V).
Trú tại: Tổ 4, thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**
Bùi Thị H – sinh năm 1984 (vắng mặt).
Trú tại: Khu p, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

*** Người làm chứng:**

- Lê Thành T – sinh năm 1983 (có mặt).

Trú tại: Thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/10/2019, ông Lê Thành T đến Cơ quan Công an huyện T tố cáo Nguyễn Đình D xâm hại tình dục con gái ông là Lê Thái Bảo V nhiều lần. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T triệu tập D đến làm việc và D đã khai nhận như sau:

Khoảng tháng 3/2019, Nguyễn Đình D và em Lê Thái Bảo V (sinh ngày 04/5/2005, trú tại: Thôn Q, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam) quen biết nhau qua mạng xã hội Facebook. Cả hai nhắn tin nói chuyện với nhau được khoảng một tháng thì có tình cảm với nhau rồi đem lòng yêu nhau. Đến khoảng đầu tháng 9/2019, khi biết được việc em V và D có tình cảm với nhau nên ông Lê Thành T đã chuyển em V đến huyện H, thành phố Đà Nẵng để học tập và sinh sống. Học được khoảng 02 (hai) tuần thì em V bỏ về lại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Đến ngày 05/10/2019, em V vào làm phục vụ tại quán cà phê Sen H nên tìm nhà trọ để thuê ở. Do không đủ tuổi nên em V nói với Nguyễn Đình D thuê trọ giúp và muốn D ở chung với em V. Sau đó, Nguyễn Đình D dùng chứng minh nhân dân của mình đến nhà trọ của bà Nguyễn Thị Tuyết M để thuê trọ. Sau khi thuê được phòng trọ thì Nguyễn Đình D và em Lê Thái Bảo V vào ở tại phòng trọ số 5 của nhà trọ.

Đến 17 giờ ngày 05/10/2019, em V đi làm tại quán cà phê Sen H. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, D đến quán cà phê Sen H đón em V về phòng trọ của bà Nguyễn Thị Tuyết M để ngủ. Khi về tới phòng trọ, sau khi thay quần áo xong thì em V đi lại nằm bên cạnh D. Cả hai ôm hôn nhau, D dùng tay bóp vú em V. D kéo quần ngoài và quần trong của mình xuống tới đầu gối. Khi thấy em V kéo quần Jean (quần đùi) xuống tới đầu gối, D cầm dương vật của mình đưa sát và ấn sâu vào âm đạo của em V. D và em V quan hệ tình dục khoảng từ 03 (ba) đến 04 (bốn) phút thì D rút dương vật ra và xuất tinh trùng lên bụng của em V. Sau khi quan hệ tình dục xong cả hai ôm nhau ngủ.

Lần thứ hai: Khoảng 22 giờ, ngày 07/10/2019, D đến quán cà phê Sen H để đón em V về. Sau khi về phòng trọ và thay quần áo xong, em V lại nằm cạnh D, cả hai ôm hôn nhau, D dùng tay bóp vú em V. D kéo quần ngoài và quần trong của mình xuống tới đầu gối. Khi thấy em V kéo quần Jean (quần đùi) xuống tới đầu gối, D cầm dương vật của mình đưa sát và ấn sâu vào âm đạo của em V. D và em V quan hệ tình dục khoảng từ 03 (ba) đến 04 (bốn) phút thì D rút dương vật ra và xuất tinh trùng lên bụng của em V. Sau khi quan hệ tình dục xong cả hai ôm nhau ngủ.

Lần thứ ba và thứ tư: Khoảng 22 giờ, ngày 09/10/2019 và 10/10/2019, em V đi làm về phòng trọ để ngủ. Cũng như hai lần trước, sau khi em V thay quần áo thì đi lại nằm cạnh D. Cả hai ôm hôn nhau, D dùng tay bóp vú em V. D kéo quần ngoài và quần trong của mình xuống tới đầu gối. Khi thấy em V kéo quần Jean (quần đùi)

xuống tới đầu gối, D cầm dương vật của mình đưa sát và ấn sâu vào âm đạo của em V. D và em V quan hệ tình dục khoảng từ 03 (ba) đến 04 (bốn) phút thì D rút dương vật ra và xuất tinh trùng lên bụng của em V. Sau khi quan hệ tình dục xong cả hai ôm nhau ngủ.

Bị can Nguyễn Đình D thừa nhận có hành vi giao cấu 04 (bốn) lần với em Lê Thái Bảo V. Trong 04 (bốn) lần giao cấu này đều được em Lê Thái Bảo V đồng ý.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số: 318/GĐPY-PC09, ngày 15/10/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Nam kết luận: Màng trinh giãn rộng, rách cũ ở vị trí 7 giờ đến bờ cố định, rách cũ vị trí 3 giờ ở bờ di động; Không tổn thương xương; Không thấy dấu hiệu thần kinh lưu trú.

Bản cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 30/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình D về tội: *"Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi"* quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình do vậy bản cáo trạng đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội. Nên đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình D phạm tội *"Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi"*. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D từ 36 đến 40 tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt tạm giam 15/11/2019.

Về dân sự: Tại phiên tòa bà Thái Thị H là người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thái Bảo V và bị cáo Nguyễn Đình D thống nhất thỏa thuận. Bị cáo Nguyễn Đình D xin chịu trách nhiệm bồi thường khoản tiền về sức khỏe, danh dự nhân phẩm cho Thái Thị Bảo V với số tiền 40.000.000 đồng, bị cáo D đã bồi thường được 20.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo D tiếp tục bồi thường cho bị hại V. Sự thỏa thuận của bị cáo D và người đại diện hợp pháp của bị hại V là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử xét công nhận.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Đình D 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đình D.

Tại phiên Tòa bị cáo Nguyễn Đình D thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, truy tố bị cáo Nguyễn Đình D về tội: *"Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi"* quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ý kiến của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo: Nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Nguyễn Đình D thấy việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải, xin lỗi bị hại và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Nguyễn Đình D có hành vi: Bị cáo Nguyễn Đình D và em Lê Thái Bảo V, sinh ngày 04/5/2005 có quen biết và phát sinh tình cảm với nhau. Đến ngày 05/10/2019, em V vào làm phục vụ tại quán cà phê Sen H nên em V nói với Nguyễn Đình D thuê trọ giúp và muốn D ở chung với em V. D dùng chứng minh nhân dân mang tên mình thuê phòng trọ số 5 của bà Nguyễn Thị Tuyết M để ở cùng em V. Khoảng 22 giờ ngày 05/10/2019, D đến quán Sen H đón em V về phòng trọ của bà Nguyễn Thị Tuyết M để ngủ. Khi về tới phòng trọ, sau khi thay quần áo xong thì em V đi lại nằm bên cạnh D. Cả hai ôm hôn nhau, D dùng tay bóp vú em V. D kéo quần ngoài và quần trong của mình xuống tới đầu gối. Khi thấy em V kéo quần Jean (quần đùi) xuống tới đầu gối, D cầm dương vật của mình đưa sát và ấn sâu vào âm đạo của em V. D và em V quan hệ tình dục khoảng được từ 03 (ba) đến 04 (bốn) phút thì D rút dương vật ra và xuất tinh trùng lên bụng của em V. Sau khi quan hệ tình dục xong cả hai ôm nhau ngủ. Sau đó, vào khoảng sau 22 giờ các ngày 07/10/2019, ngày 09/10/2019 và ngày 10/10/2019, khi em V đi làm ở quán cà phê Sen H về thì D và em V lại quan hệ tình dục với nhau. Trong tất cả các lần quan hệ tình dục này em V đều tự nguyện đồng ý.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo Nguyễn Đình D cấu thành tội: *"Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi"* theo điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự, như bản cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm của người khác một cách trái pháp luật đều bị xử lý nghiêm minh. Bị cáo Nguyễn Đình D có đầy đủ năng lực để điều khiển hành vi của mình, nhưng với ham muốn dục vọng thấp hèn, lợi dụng sự nhận thức hạn chế về pháp luật, kiến thức giáo dục giới tính của em Lê Thái Bảo V nên bị cáo Nguyễn Đình D đã giao cấu với em Lê Thái Bảo V khi em V mới 14 tuổi 5 tháng 01 ngày. Hành vi của bị cáo Nguyễn Đình D thể hiện sự xem thường pháp luật nên trong lúc lượng hình xử phạt bị cáo một mức án thỏa đáng nhằm ren đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Bị cáo Nguyễn Đình D không có tình tiết tăng nặng; bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, đã một lần bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng

không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải. Hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và bị hại mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[4] Phần dân sự: Tại phiên tòa bà Thái Thị H là người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thái Bảo V và bị cáo Nguyễn Đình D thống nhất thỏa thuận: Bị cáo Nguyễn Đình D xin chịu trách nhiệm bồi thường khoản tiền về sức khỏe, danh dự nhân phẩm cho Thái Thị Bảo V với số tiền 40.000.000 đồng, bị cáo D đã bồi thường được 20.000.000 đồng, số tiền còn lại 20.000.000 bị cáo D tiếp tục bồi thường cho bị hại V. Sự thỏa thuận của bị cáo D và người đại diện hợp pháp cho bị hại V là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xét công nhận.

[5] Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Đình D 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đình D.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

[7] Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình D phạm tội: *"Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi".*

2/ Hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình D 36 (ba sáu) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bắt tạm giam 15/11/2019.

3/ Phần Dân sự: Áp dụng Điều 7, Điều 590, Điều 592 BLDS. Xử công nhận sự thỏa thuận giữa bà Thái Thị H là người đại diện hợp pháp của bị hại Lê Thái Bảo V và bị cáo Nguyễn Đình D: Bị cáo Nguyễn Đình D xin chịu trách nhiệm bồi thường khoản tiền về sức khỏe, danh dự nhân phẩm cho Thái Thị Bảo V với số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), bà Thái Thị H là người đại diện hợp pháp cho bị hại Lê Thái Bảo V được nhận số tiền bồi thường này.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bị cáo D không thi hành thì phải chịu lãi chậm trả tiền theo Điều 357 BLDS năm 2015.

4/ Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Đình D 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đình D.

5/ Án phí Hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án buộc bị cáo Nguyễn Đình D phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) án phí HSST và 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (trong phạm vi quyền hạn của mình) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận trích sao bản án hặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam
-VKS nhân dân tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện T.
- THADS huyện T
- Những người TGTT.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa